

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 12

CHƯƠNG II: NGHĨA GIẢI

TRONG PHẦN 8 CỦA CHƯƠNG II

(chánh truyện có mười lăm vị, phụ có bốn vị).

- 1- Truyện ngài Thích Tuệ Long trụ tại chùa Bành Thành ở Đôn Dương, đời Tùy.
- 2- Truyện ngài Thích Tuệ Hải trụ tại chùa An Lạc ở Giang Đô, đời Tùy.
- 3- Truyện ngài Thích Tuệ Giác trụ tại chùa Tuệ Nhật ở Giang Đô, đời Tùy.
- 4- Truyện ngài Thích Đạo Phán trụ tại chùa Long Trì ở núi Chung Nam, đời Tùy.
- 5- Truyện ngài Thích Tịnh Nghiệp trụ chùa Chân Ngô ở núi Chung Nam, đời Tùy.
- 6- Truyện ngài Thích Đồng Chân trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy.
- 7- Truyện ngài Thích Linh Cán trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh, đời Tùy (Linh Biện).
- 8- Truyện ngài Thích Linh Thoát trụ chùa Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy.
- 9- Truyện ngài Thích Thiện Trụ trụ chùa Tịnh Ảnh ở Kinh Đô, thời Tiền Đường (Tuệ Oai).
- 10- Truyện ngài Thích Biện Tướng trụ chùa Thắng Quang ở Kinh Đô, thời Tiền Đường.
- 11- Truyện ngài Thích Bảo Tập trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh Đô, thời Tiền Đường (Đàm Cung, Minh Hồng).
- 12- Truyện ngài Thích Tuệ Thiên trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh Đô, thời Tiền Đường.

13- Truyện ngài Thích Tuệ Giác trụ chùa Võ Đức ở Tinh Châu, thời Tiền Đường.

14- Truyện ngài Thích Trí Cư trụ chùa Kiến An ở Thường Châu, thời Tiền Đường.

15- Truyện ngài Thích Đạo Khánh trụ chùa Hoàng Nghiệp ở Thường Châu, thời Tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Tuệ Long trụ chùa Bành Thành ở Đôn Dương:

Thích Tuệ Long, họ Hà, người ở xứ Cú Dung thuộc Đôn Dương. Ông nội Sư tên Tiển, làm Võ Lăng Vương Trưởng sử thời nhà Lương. Cha của Sư tên Nghi, làm Tán Kỵ Thường Thị thời nhà Lương.

Năm mười một tuổi, Sư xuất gia làm đệ tử Sa-môn Tuệ Thư, Tăng Đô chùa Tuyên Võ. Ngài Tuệ Thư Đạo nghiệp cao xa, phong nêu thanh cử, sở học đáng làm khuôn phép cho chúng sinh. Đức hạnh xứng làm thầy của mọi người. Ô Hôi đương chức nắm giữ lo gởi. Sư cung kính cẩn thận đủ nghĩa thầy trò. Năm mười ba tuổi, Sư chuyên chí cầu học mới muốn nghe Đạo liền cảm điềm linh. Có người tự xưng là giòng họ Tương, tên Quy trao cho Sư một Bộ Kinh Pháp Hoa và bảo rằng: “Tương lai Phật pháp thật dùng nên gởi cho Sư!” Nói vừa dứt lời, đã đi mất. Ngài bèn lấy nghĩa mà suy lường, nếu chẳng phải Quả vị ngang với bốn y, Đức bằng cùng chín sử thì đâu thể gánh vác, mà cảm đến lời Thánh? Sư nghe Pháp sư Hoắc ở chùa Pháp Vân giảng Luận Thành Thật, chưa tròn một Biến mà Sư đã nghiên cứu đến chỗ sâu ẩn, tu nghiệp vài năm, riêng xứng nêu bạt. Đến lúc đăng đàn thọ giới cụ túc lại tu học Tỳ-ni, nên được năm lần một sông, chế khác mà uống khác, đầy đủ đều đoán xét, suốt tận đều lường cân.

Đến lúc thời vận nhà Lương tan tác, Sư bèn lánh đời theo thời, tuy gặp phải sự điều tàn hoang phế mà học nghiệp Sư chẳng bỏ. Bèn ở trong chùa Bành Thành giảng dạy dẫn dắt như dòng chảy. Đến khi nhà Trần ngự trị thiên hạ, mở mang lại vết huyền. Sa-môn Tăng Chánh Hằng Công là bậc đức lớn trong Đạo môn, ở trong chùa ấy mở hội giảng diên. Những người tham học huyền nghĩa khắp bốn phương đều nhóm họp. Sư đang nhập thất riêng trùm các bậc anh tài. Đã giải tuệ vượt trội bèn được lệnh phô bày giảng nói. Đến lúc Hằng Công sắp thị tịch dặn dò giao phó Sư trụ ở đó. Pháp Diên Sư kế tiếp, thật đáng yếu chỉ tốt lành. Nhưng sự nhận biết của Sư dùng để ngâm hoa, ngôn biện dồi dào. Mỗi lúc bàn luận đến huyền lý, chóng dời mà chậm nghi, tuy là bàn

luyện nhưng thường huy ngôn bén nhọn mài giữa đương thời, mà phá nạn tự triệt, thư thả lắng xa. Đến lúc nhà Tùy có được thiên hạ, khắp cả chín châu đồng châu, các bậc thượng đức Cao nhân đều lần lượt mời thỉnh. Chí ý Sư chỉ muốn gá ẩn, thường lấy cớ già bệnh mà chối từ. Ngài trụ tại chùa cũ (Bành thành) giảng nói hoàng hóa cho đến năm cuối đời.

Đến ngày mười sáu tháng mười một năm Nhân thọ thứ nhất (601) đời Tùy, Sư bị bệnh. Qua ngày hai mươi thì Sư thị tịch. Bấy giờ, đang lúc Đông chí, khí trời rất lạnh, mây bủa khắp trời, tuyết rơi cùng đồng. Đến nửa đêm, sắc trời trong trẻo, muôn sao lấp lánh. Há chẳng phải thần linh buồn thương, trời rộng cảm tiếc mà có điềm sáng ấy ư?

Bản chất Sư là từ bi cứu giúp thành tánh, chẳng ưa chuộng hoa sức, nhu thuận biết đủ, không tham là vật báu. Sư giảng Luận Thành Thật hơn ba mươi biến. Các Kinh Niết-bàn, Đại Phẩm, mỗi bộ hơn mười biến. Ngoài ra còn có các thứ khác ở đây không nói đủ. Trước lúc chưa tịch, Sư dẫn đệ tử đến đỉnh núi phía nam chùa Cao Tòa, đắp đất làm đàn. Sư bảo rằng “Sau khi ta xả bỏ hình hài này chớ phiền dùng đến quan quách, hãy đem đến nơi này để thí cho các loài cầm thú côn trùng!” Sau khi đắp đàn xong thì Sư thị tịch. Thật là Sư biết được mạng mình thay! Sau đó, đệ tử bèn vâng theo di mạng, nêu dựng lập Bia lớn tại chùa. Văn bia ấy do Sa-môn Pháp Tuyên soạn.

2- Truyện ngài Thích Tuệ Hải trụ chùa An Lạc ở Giang Đô:

Thích Tuệ Hải, họ Trương, người ở xứ Võ Thành thuộc Thanh Hà. Sư nhập đạo từ thưở thiếu thời, tôn thờ pháp sư Quýnh chùa Khoáng Quốc ở Nghiệp Đô, nghe học các Kinh Niết-bàn, Lăng-già, mới thông vài biến đã có thể đáp thuật, được Thượng thủ tán thưởng, lại trải qua năm năm. Học chúng đều suy phục. Sư lại theo Pháp sư Đạo Du chùa Đại Nghiệp ở Thanh Châu thọ học Ma-ha-diễn, Tỳ-đàm v.v... Nhưng ngài Đạo Du tuệ giải vô ngại, mở trí khó nghĩ lường. Còn Sư vì có tài Dĩnh thoát nên vinh cậy Ngài.

Niên hiệu Đại tượng thứ hai (580) thời Bắc Chu, Sư đến nghi Đào Phố, mới ở chùa An Lạc, sửa chữa già-lam, trang nghiêm Phật sự, xây dựng lầu Các. Đích thân Sư tự trải qua từ đầu đến cuối giúp giáo hóa, tuy dốc hết sức lực mà quên cả mỗi mệt, đội cả nắng mưa mà chuyên chở. Thường lấy Tịnh Độ làm kỳ vọng, chuyên tinh đến mức có cảm ứng. Bỗng nhiên có Sa-môn Đạo Thuyên ở Tề Châu mang bức vẽ Phật Vô Lượng Thọ đến và nói với Sư rằng: “Có vị Bồ-tát chứng đắc năm thân thông trụ chùa Kê-đầu-ma ở Thiên trúc nương hư không đến thế giới

An Lạc, mô tả tôn nghi này!” Đã được thăm hội với tố tình, Sư càng dốc lòng lễ sám, bèn thấy có ánh sáng thân chiếu sáng, mừng được việc ít gặp. Từ đó, Sư khẩn thiết siêng năng, nguyện sinh về cõi tịnh độ, suốt đời chuyên niệm.

Đến ngày mồng một tháng năm niên hiệu Đại nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, chứng bệnh sỏi càng thêm dữ dội. Sư nói cùng đệ tử rằng: “Ta sắp đi đây!” Và duỗi năm ngón tay để biểu hiện kỳ hạn, hơi thở dứt nhẹ, mọi người dùng lấy bông tơ đặt trên lỗ mũi Sư chờ đợi. Đến đêm mồng năm Sư chột ngồi dậy, y theo thường lệ xoay mặt về hướng Tây đánh lễ xong an tọa, tới sáng sớm Sư mới thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi. Nhan sắc vẫn yên nhiên, tự thân thức hiện còn. Kẻ tăng người tục buồn mến, đua nhau đến bày tiếp chân. Hương hoa cúng dường như mưa tuôn, vàng báu như núi đổ, chất đầy thêm cấp. Đó là do năng lực của Phước tuệ.

Nhưng, Sư từ thưở thiếu thời siêng năng khổ nhọc, đến lúc già lại càng dốc lòng. Ban-chu là pháp mật hạnh. Lan-nhã là nghi Tư duy. Mau mở bày tu hành, điềm lành thường nhiều. Sư lại dùng cả nhân từ cứu hộ, có nghiêm khắc với chính mình, dụ khuyến rộng bố buộc, hẳn dốc hết tài năng của mình. Nên các hàng Tể Quan cư sĩ, các đồng bạn già bệnh nghèo cùng, mặc tình họ lưu lại khinh trọng, nhưng đức của Sư vẫn ban trả bình đẳng. Ấy hẳn là khí vận bao trùm, người thông ở đời mật pháp! Sư giảng Kinh Niết-bàn ba mươi biến, Tụng Kinh Pháp Hoa một Bộ, giảng năm mươi biến. Đến ngày mồng chín tháng năm, đẽo đá trong chùa, đục làm thất lớn, thỉnh đời Nhục thân Sư vào tôn trí ở đó. Huyện Linh Giang Đô là Tân Hiếu Khải với tâm kính tín nên thí xả tất cả trong ngoài, cõi y làm thức ăn, tự thân chỉ huy. Đệ tử của Sư là Sa-môn Tuệ Bính dùng chỗ toàn thân xây dựng nền tháp thêm hoa lệ. Và lập Văn Bia tại cửa chùa để tán dương đức hạnh của Sư. Bí thư Học Sĩ Lang Da Vương Thận soạn văn Bia.

3- Truyện ngài Thích Tuệ Giác trụ chùa Tuệ Nhật ở Giang Đô:

Thích Tuệ Giác, họ Tôn. Tổ tiên Sư vốn người ở xứ Tấn Dương thuộc Thái Nguyên. Lúc ở giảng hữu tan loạn bèn dời đến ở Mạt Lăng thuộc Đôn Dương. Khi Sư đang ở trong thai mẹ, Chí Công ở thời nhà Lương là người không thể lường biết được, đi ngang qua nhà, bồi hồi nhìn vào mà bảo rằng: “Ở xứ này sẽ sinh ra bậc Thần Đồng!” Bỗng nhiên đến lúc sinh Sư như có điều phù hợp. Sư tuy còn bé mà phong thần đặc đạt, khí điệu khác mọi người. Tuy là đang tuổi học trò, nhưng

đã có tâm kỳ đặc, nhận thức xa vời. Đối với năm ấu sáu trần, Sư nhận biết sâu xa rõ như bọt bóng sấm chớp. Thệ nguyện muốn cầu thoát tục. Cha mẹ Sư không thể cản ngăn trái ý.

Năm tám tuổi, Sư xuất gia, nghiên cứu tinh rành Pháp Tướng. Ban đầu Sư đến Pháp Sư Lăng chùa Hưng Hoàng cầu học. Học chúng ở đó rất đông, đều xướng cao Huyền phong, những vị nhập thất đều là những người tài giỏi. Sư bầm học huyền luận, xem đọc thấu cùng u chỉ, lãnh lược gặp bến bờ, dẫn cầu sâu sắc, khắp theo các khéo diệu, tự được hông ngực. Các bậc Tông tượng càng thêm tán thưởng, Sư thật xứng làm Pháp Khí. Thêm nữa, ngài để tâm khắp chín Bộ, xem cùng Số Luận, ngụy thuyết dị môn đều tìm cành lá. Thế mà Sư vẫn than rằng: “Tang Du đâu có việc Xung Thiên, Tiểu Đạo trái với bến bờ đến xa, hãy quên lo buồn, chẳng phải đệ tử ta!” Sư lặng thầm nhập tuệ chẳng chuộng năm môn. Suối đá ở Nhiếp Sơn rất tốt đẹp là thắng địa dứt tâm. Sư mới vén y một mình đến ở chùa Thê Hà.

Có Pháp sư Tuệ Bố là bậc Giải Không bậc nhất, thấu suốt sâu xa các Kinh Phương đẳng. Nếu có chỗ chưa tỏ ngộ, Sư bèn cất giấu trong lòng đợi chờ người tri âm. Đến lúc cùng gặp mừng vui, ngài Tuệ Bố bèn vì mở trao. Lại vì ở Giang Tả, luận Đại Trí Độ ít được truyền bá. Ngài Tuệ Bố đem hết tông chữ cùng bày thỉnh nói. Sư bèn duỗi lòng xét nghĩ, bày sớ u vi. Ngài Tuệ Bố vạch bày ngợi khen, bèn bảo Sư khai giảng. Từ đó, văn cũ ý mới, Sư đều thông cả. Mọi người xa gần tận hưởng thấm nhuần, nghe được điều chưa từng nghe. Thích luận rộng bày thanh hành từ đó. Có Vương Bá Cung ở Tấn An đời Trần làm Thứ sử Tương Châu, thêm nhiều lễ khác, đồng thời thỉnh giảng chúng. Sư bèn đến hướng Nam để mở mang giảng nói. Lại Bộ Thượng Thư Mao Hỷ, Hộ Quân Tướng Quân Tôn Sướng thấy đều cúi mình đánh lễ chí thành kính ngưỡng khác thường. Tả vệ Tướng Quân Phó Tế là người học thông giáo điển nội ngoại, khí điều rất cao, các hàng tăng tục không ai chẳng tôn kính, nhưng mỗi lúc thấy Sư lại thì thân tâm đều nghiêm chỉnh, bàn luận cao siêu, lưu luyến không thôi. Sư có được tước trời hàng phục người đại loại như thế.

Nhà Tùy khắc định, khắp vùng Giang biểu theo hiến chương đổi mới, trong một châu chỉ được thiết lập hai ngôi chùa Phật, ngoài ra số tự viện, già-lam còn lại thấy đều đập bỏ. Sư lo ngại đất Kim Cương trầm hủy lắm nhiều, mới cùng với trăm nhà đồng đến triều đình tấu trình với nhà Vua, bèn có sắc chế bãi bỏ, mà theo sự thỉnh nguyện của Sư. Thật xứng là Bề tôi tài giỏi, mở mang hộ trì tượng pháp, tin Sư rất

có sức lực. Vua Dương Đế (Dương Quảng) khi xưa, lúc ở tại phan bình giáo hóa Hoài Điện, kính trọng chờ đợi người tốt, nghĩa vượt nghiêng tịch, có ban tặng Sư lời thư viết rằng: “Pháp Sư an lành, mát nóng đều thích nghi, tiếp thừa nương gá đợi khu vực cửa Quy Sơn, mở rộng Diệu chỉ của Long Thọ. Nghĩa ấy đoan nghiêm hùng biện. Riêng diễn xướng ở Kê Âm, Đàm Bính lời nhiệm mầu chỉ dẫn cấp ở Cảnh Thủy. Đệ tử khâm chuộng Đạo phong, tận hưởng vị Đạo rất sâu. Nay ở trong Nội thành dựng lập đạo tràng Tuệ Nhật, thỉnh có bậc Long tượng mở mang Phật sự, xoay bánh xe pháp. Tên gọi Thượng nhân (của Sư) vang vọng xa khắp, mọi người đều nghe biết, nay sai sứ đến nghinh hầu, đợi chờ phát sáng lên!”

Có Pháp Tế Thượng nhân là bậc Linh trí khó nghĩ lường, ở tại đạo tràng Vĩnh Phước thỉnh Sư khai giảng Luận Đại Trí Độ. Chúa thượng đích thân đến pháp tịch, ngợi khen hồi lâu. Sau, Sư trụ tại Bạch Tháp, thường chuyên việc giảng nói hai mươi bộ kinh luận như Đại Phẩm, Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Tứ Luận v.v... số biến giảng nói rất nhiều. Học chúng đông đầy Pháp tịch. Sự hưng thịnh của việc xoay bánh xe chánh pháp không ở đâu hơn đó! Trước kia tại cự Đổ ở Giang Đô thiết lập Bảo Đài Kinh tạng. Kinh điển trong năm thời đều đầy đủ ở đó. Đến lúc Đông Triều, bèn ban lệnh chỉ giao phó cho Sư việc coi sóc kinh tạng. Mọi người đều bảo là “Được người.”

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ hai (606) đời Tùy. Sư theo xa giá vào kinh. Giữa đường phát hiện bị bệnh mà thần sắc vẫn an nhiên lời giảng pháp vẫn không nghỉ. Đến lúc sắp tịch, Sư vẫn sáng suốt như thường, mọi người đều trông thấy Đại Thần Kim Cương đi nhiễu quanh trước sau, có vị tăng người Ấn-độ đốt hương cúng dường. Ban đầu, có Thiên sư Trì Giác nhân cảm linh ứng, mới trông thấy tên Sư đề ở bảng vàng, nên quả vị mà Sư chứng đắc, nghĩa lượng thật khó lường biết. Đến ngày hai mươi hai tháng ba, Sư thị tịch tại huyện Tức Dự thuộc Tứ Châu, thọ năm mươi ba tuổi.

Chỉ Sư là người hay khéo Văn từ, nghi dung cử chỉ đẹp đẽ, thân cao tám thước, phong cách vượt hơn mọi người. những lúc nhiếp trai thăng đường, cúi ngược đều đáng làm khuôn phép, trông nhìn oai nghi ấy, không ai chẳng sửa đổi hình dung để dễ trông xem, ghé mắt quên cả mỗi một. Còn như ngài nhả nạt lời huyền, tuyên dương nghĩa mầu, hùng biện luận trong như mây bay nước chảy. Thật đáng gọi là Nhật nguyệt vào lòng gió thổi đầy nhà. Tuy hẹp chí trệ tình cũng chóng quên bỉ lặn. Nhưng sự cảm hóa như Chi Lan của Sư, công đào huyện dẫn dắt

như ngày qua tháng lại, nên cũng rộng lớn. Ngài còn thông cả ngoại điển, khéo giỏi xích độc (âm nhạc). Chức từ nhuộm bút nhanh nhẹn dễ nhìn, những chỗ chiết giản đều là khuôn phép. Thêm vì phong độ Sư trầm xa, nhã lượng sâu rộng. Nói bàn dứt bật đúng sai tâm sạch kia đây. Cao vội như chất chông lấm lộp nhọn, người chẳng thể trông nhìn. Với của cải tín thí chất chứa, tùy trường hợp sử dụng xả thí. Ngoài hai cách ra, không chứa để mảy may, chỉ có Luận Văn Đàm sơ chất đầy cả bàn ghế rường hòm mà thôi. Há chẳng phải bậc tài giỏi vượt tục, Chánh Sĩ thông phương sao? Nên Dương Đế (Dương Quảng) có ban sắc mọi thứ cần dùng trong lễ tang đều tùy nghi cung cấp đầy đủ. Ân lễ chu cấp rất ưu hậu. Và có đủ thuyền chèo để Vua cùng mọi người đón rước. Qua ngày mười ba tháng năm năm đó (602) lại đón rước về an táng tại làng Thù Du huyện Giang Dương, các Học sĩ Truyền nghiệp số lượng rất đông.

Ngài có nhân đệ tử là Sa-môn Trí Quả, bẩm thừa Di huấn, tình sâu nhớ xa, bèn cùng các bạn đồng học ghi chép các hành trạng, khắc bia dựng ở cửa chùa. Bí Thư chiếu cáo Xá nhân Ngô Thế Nam soạn Văn bia, Kim Tử Quan lục Đại phu Nội Sử thị lang Ngô Thế Cơ làm bài Minh, sự tích này thấy ở Biệt truyện.

4- Truyện ngài Thích Đạo Phán trụ chùa Long Trì ở Nam Sơn:

Thích Đạo Phán, họ Quách, người ở xứ Thừa Thị thuộc Tào Châu. Năm ba tuổi, Sư chịu tang cha mẹ. Đến mười lăm tuổi, Sư tham học, trải qua sách sử, Sư lược thông Nho Đạo.

Năm mười chín tuổi, Sư phát tâm xuất gia, đến chỗ người anh bên ngoài mà xuống tóc. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư đi khắp nơi tìm cầu bạn lành. Rất nhàm chán tục lụy, nên Sư dứt bật tâm trở lại. Mỗi lúc xem đọc thấy tượng giáo lưu truyền phương Đông, Sư tỏ sắc mặt buồn vì chưa thấy linh tích, bỏ gốc về ngọn, chưa từng được nghe. Sư bèn mạnh mẽ phát tâm hướng đến Phật cảnh, thệ sẽ tới chiêm ngưỡng. Nên niên hiệu Càn Minh thứ nhất (560) thời Bắc Tề, Sư kết bạn tất cả hai mươi một người, phát xuất từ Nghiệp Đô, sắp đi qua Quan tái, Quan la nghiêm thiết, lại ánh trắng sáng soi chiếu, bèn lần lửa xoay vần, nghĩa đầu không nhảy vượt, bỗng gặp được mây giăng trắng ẩn, thừa cơ hội bóng tối mà lần qua nguy hiểm, lại gặp phải binh lính tuần du, đặc biệt được phóng thả. Đến niên hiệu Bảo Định thứ hai (562) thời Bắc Chu, Sư về đến kinh ấp. Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) ban thưởng tiếp đãi trọng hậu, bèn mời Sư đến chùa Đại nghiệp, cúng dường nông hậu và

Sư ở đó. Được hai năm, Sư bèn dâng sớ, xin tiếp theo chí nguyện trước, lại được vua chấp thuận. Vua Võ Đế lại sắc ban Quốc thư và lương thực đi đường. Sư đi về hướng Tây trải qua sa mạc khoảng năm ngàn dặm, nhìn quanh bốn phía mịt mờ, không hề có cỏ nước. Vì đói khát nên phải đi nhanh, qua bảy đêm thì đến nước Cao Xương. Đó là Tiểu phiên phụ thuộc Đột-quyết. Sư lại xin Quốc Thư, đi đến hướng Tây là Khả Hạng Sở (Hán dịch nghĩa là Thiên Trử Trị). Ở xứ đó không biết chúng tăng là gì, nên định làm hại, họ thêm người phòng vệ, chẳng cấp cho lương thực, lại không cho đi ra, góp gom hết củi rau trái, chỉ để cho đói chết. Có người sứ nước Chu can ngăn rằng: “Đây là Đệ tử Phật. Vua và các Đại thần ở nước chúng tôi vô cùng kính trọng cúng dường, Hễ chỗ nào các vị ấy đến thấy đều cung cấp cho dê ngựa rất nhiều!” Khả Hạng bèn vì vui mừng, mỗi ngày cấp cho bốn con dê dùng để ăn thường. Sư cùng Đồng bạn, v.v... thả Dê và tự nấu rau trái để ăn. Đã thấy các ngài không giết hại chúng sinh, lại không ăn uống rượu thịt, mọi việc làm đều khác. Bèn không cho đi tiếp về hướng Tây, mà cung cấp ngựa chuyên chở, sai người đưa trở về.

Về đến Trường An, các Ngài dừng ở chùa Càn Tông. Vì trướckia đang lúc cùng hiểm, không người tạo thức ăn, Sư bèn xả giới cụ túc, nay trở về lại kinh thất, sau đó bèn phục giới lại. Sư dừng ở năm năm, gặp được Pháp Sư Tĩnh Ái. Sư bèn dò hỏi Đạo vụ tuệ nghiệp cao sâu, ngẫm trải qua năm châu. Sớm tối nghe hỏi, mới bước lên giai tiệm, gặp lúc Vua Võ Đế- thời Bắc Chu phá hủy Phật Pháp. Sư bèn cùng ngài Tĩnh Ái đến núi Thái Bạch lánh nạn. Với Đồng bạn tất cả hai mươi sáu người, ở chốn núi hang nhưng chẳng quên bỏ việc giảng trao. Với các Bộ Trung Luận, Bách Luận, Tứ Luận ngày đêm luôn nghiên tâm, chăm chăm kính răn. Tuy có lệnh nước nhà tru diệt nhưng chẳng đoái hoài sự chết ấy. Lại theo hướng Đông dẫn từ núi lớn đến Hoa Nhạc, hễ chỗ nào đi đều trông theo mặt trời mà dự tham. Sư lìa Thất Khảo Sơn có hơn hai mươi cơ sở, nương theo đức hạnh của Ngài Tĩnh Ái làm Nguyên Tông nhập thất, trước sau suốt mười lăm năm theo đuổi không lìa bỏ. Về sau, ngài Tĩnh Ái thị tịch nơi hang cùng, để tỏ bày hộ pháp, Sư bèn ngậm lấy rau độc phụng tiếp Di cốt xây tháp lập Bia minh khắc vào vách hang núi. Thiên nguyên tiếp tự lịch, thay đổi tà phong, lập một trăm hai mươi người làm Bồ-tát tăng. Sư nằm trong số đó. Ban đầu đến trụ chùa Trắc Hồ. Đến lúc nhà Tùy vâng mạng mở rộng Phật pháp, mới đổi tên là chùa Đại Hưng Thiện.

Sư là bậc đạo hạnh cao vượt tăng đồ, trải qua tất cả các cương

nhậm. Bộ nhiếp thường luân có khuôn phép trước tỏ sáng. Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, tại Đông Lĩnh ở Giao Cố thuộc núi Chung Nam, có cái ao tên là Dã Trư, tỏa vầng mây lành phủ đến đất liền. Đích thân Sư tự đi đến đó, bèn có thể làm thành nơi để nường gá tâm. Nhân đó, ngài kết cỏ làm am, nhóm chúng giảng pháp. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc sai Đạt Chi Thị Lang Lý Thế Sư cùng Lam Công- người Thiên Trúc đến tạo lập Viện phòng, thường phải cung phụng. Biết Sư Đạo nghiệp sâu rộng nên vua ban biển hiệu chùa là “Long Trì”. Đại Tướng Quân Vân Định Hưng nguyện làm Đàn Việt cung cấp bốn thứ cần dùng không trái hai thời. Thị lang Độc Cô Cơ hưởng phụng âm du, ở khu vườn sau nhà riêng lập Trai Vũ, thỉnh Sư đến nghỉ ở, suốt ngày làm việc, bảm thọ giới Pháp. Tiết Quốc Công cùng phu nhân Trinh thị sớm kính phụng thanh huấn, năm khác đến núi được nhận giới răn, giải quyết thông suốt mọi điều thắc mắc.

Đến ngày mồng bốn tháng năm niên hiệu Đại nghiệp thứ mười một (615) đời Tùy, vào lúc sáng sớm, Sư thị tịch tại chùa núi, thọ tám mươi bốn tuổi.

Ban đầu, Sư khai pháp cho những người cơ sơ, tánh quen với suối rừng, ít muốn, không đua tranh, thích sống kiệm nhiếp, thực hành ức Tử, cứu giúp kẻ thiếu thốn, đó là điều Sư thường lưu tâm. Vượt qua gian khổ, thoát khỏi nguy ách lại càng là Bổn ý của chính Sư. Nên những lúc đến mùa lúa chín Sư đi khát thực về dự trữ thật nhiều, tới thời tuyết phủ khắp núi, Sư sai bảo ban thí cho các loài chim bay thú chạy. Do đó, những người bạn núi hay Du tăng được Sư giúp đỡ rất nhiều. Lại nữa, Sư ăn uống không kén chọn mùi vị, cả đời không bị bệnh, việc Tăng sự nhọc nhằn trông coi, tự thân thực hành trước. và việc hoằng Đạo ở triều Sư bên bỉ không biếng trễ. Tuy tạm vân du trong thế tục mà thường trở về thất núi. Đó cũng là học Quán của Nham tự.

5- Truyện ngài Thích Tịnh Nghiệp trụ tại chùa Ngô Chân ở núi Chung Nam:

Thích Tịnh Nghiệp, họ Sử, người ở đất Tùy xứ Đông Hán. Năm tuổi vào Tiểu học, Sư thích mặc y phục của người xuất gia, cả xóm làng đều vui mừng, cùng gọi Sư là Hiền giả. Vừa tuổi chuyên kinh, Sư cất ái xuất gia, nghiêm tịnh dưỡng tu oai nghi như sương mài băng sạch. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư đến Hà Nội, siêng năng nghiên cứu luật bộ, thông cả Dị Văn.

Bấy giờ, có Luận Sư Tuệ Viễn là bậc dựng Đức ở Chương hà, truyền hương thơm khắp y lạc. Vừa gặp được người Thanh Nhĩ. Sư liền phô bày Đạo kính thầy, học các kinh Niết-bàn, v.v... đều là phẩm chước đến cùng, hoằng tuyên Đại Chỉ, nhưng Sư lo rằng Văn rộng công lược, chương cú chưa lia! Mãi đến lúc ngài Tuệ Viễn vâng chiếu vào quan, Sư cũng mang kinh luận nương theo. Trước sau thừa hưởng cùng tận được lý sâu. Về sau, Sư đến chỗ Thiên sư Đàm Thiệu học tập Nhiếp Luận. Ngài Đàm Thiệu là bậc khí vũ cao thoáng, tường nhận sâu rộng, biết khắp mọi người, đồng mở mang nhạo thuyết, mừng Sư là người toàn ngưỡng, rất mực chí thành, mới vì nghiêng mình dẫn dắt. Sư hề nghe thì liền kính thọ, khắc vào tấc lòng.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư cao bước đến núi Phú Xa ở Lam Điền, trải chiếu tham cứu u vi, có chí hướng muốn trọn đời ở đó. Các hàng Thanh tín cư sĩ kính vái truyền giới, dựng lập sơn phòng cho Sư ở, rất mực chí thành phụng dưỡng, treo hiềm cuối cao, sửa thông núi đẹp. Nay tức là chùa Ngộ Chân. Sư chính là người bên trong trầm lắng, bên ngoài ảnh hưởng lừng danh.

Niên hiệu Nhân thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư được đặc cử đón rước Xá-lợi đến chùa Cảnh Tạng ở An Châu. Ban đầu đi khắp các chùa trong Châu, Sư muốn xây dựng tháp ở chùa Thập Lực. Nhưng đi đến chùa Cảnh Tạng, bỗng nhiên cảm có mùi thơm lạ. Nhân đó mà Sư dựng lập ở đây. Đến lúc sắp tôn trí Xá-lợi, vào thì có ánh sáng màu đỏ tỏa ra soi chiếu cả người vật. Phía trên tầng các cửa chùa nghe có tiếng nhiều người đi, nhưng sang đón bắt thì hoàn toàn yên lặng như lúc đầu, không thấy có một người. Lại nữa, ở phía Bắc của tháp báu có một cái ao, Sa-môn Tịnh Phạm vì các kẻ tăng người tục mà truyền cho thọ giới Bồ-tát, bèn có một đàn cá bơi nhảy, đầu đều xoay về hướng Nam, dường như muốn thọ quy tướng. Ngài Tịnh Phạm bèn ngồi thuyền xuống nước, vì đàn cá mà trao truyền giới Pháp. Đàn Cá đều xoay đầu bơi nhiều quanh thuyền như có nghe thọ, không tỏ vẻ khiếp sợ. Sư vui mừng với cảnh ngộ ấy, mới thỉnh Xá-lợi tôn trí nơi Phật Đường. Trước đó, có một pho Tượng Bồ-tát được đắp vẽ, không thể chuyển dời, nhưng đến sáng ngày hôm nay, mới thấy tôn tượng xoay thân hướng mặt về phía Xá-lợi, tướng trạng tự nhiên không một hư tổn. Sư thường hiện khởi những điềm lành riêng, truyền nói không thể hết.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ tư (608) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) mời Sư vào Hồng Lô Quán, dạy bảo rất đông Chư tăng. Niên hiệu Đại nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Vua Dương Đế lại thỉnh

Sư đến trụ chùa Thiền Định, liền quạt dần dần. Thời gian dần trôi, tâm hồn dần thanh thản. Sau, Sư muốn trở về nơi cốc thâm sâu nên cáo từ những người đồng học rằng: “Trong chuyến đi này, không bao giờ trở lại!”. Sư già biệt chưa tới mười ngày thì nghe Sư đã thị tịch, thọ năm mươi ba tuổi. Thật ngài thấu đạt sự sống, biết rõ mạng mình đến như thế! Lúc đó nhằm ngày mười tám tháng hai niên hiệu Đại nghiệp thứ mười hai (616) đời Tùy. Sư để lộ bầy nhục thân dưới gốc thông.

Ban đầu, Sư thần thái ôn hòa, cử chỉ ung dung, thuần nhân chuộng Đức. Có phong cách của bậc Cổ Hiền. Sư rất ưa thích phương thuật, bỏ hạt luyện thân, như nước ngọc mây châu, giúp Thần dưỡng khí, cuối cùng cũng chẳng phải chỗ trị ấy, luống chuyển tải tiếng thơm, nghiêm khiết chính mình, trong sạch tinh thuần, để vì truyền đức.

6- Truyện ngài Thích Đồng Chân trụ chùa Đại Thiền Định ở Tây Kinh:

Thích Đồng Chân, họ Lý, Tổ tiên xa xưa của Sư là người xứ Lũng Tây, đến ngụ ở tại Phố Bạng thuộc Hà Đông. Thử thiếu thời, Sư nhằm chán sinh tử, mong cầu tâm được thường trí, bèn đến chỗ Pháp sư Đàm Diên thỉnh cầu làm bậc thầy khuôn phép cho mình. Sư góp nhặt những điều tốt đẹp của Huyền Nho, anh du tú cỡ. Từ khi thọ giới Cụ Túc về sau, Sư quy tông luật cú, sau nữa, Sư lại trải qua kinh luận. Thông rành giáo điển Đại thừa, rất giỏi Kinh Niết-bàn, luận bàn về nghĩa lý đó. Sư thường ở tại chùa Diên Hưng, giảng nói hoàng hóa không ngừng nghỉ. Thính chúng thường có đến cả ngàn vị, mỗi người đều nêu lệnh vọng, rõ ràng tiếng tăm Sư vang cao, tiếp vết ở bậc Thầy.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai (592) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương khiêm) ban sắc thỉnh Sư đến ở chùa Đại hưng Thiện, đối chiếu phiên dịch bản Phạm. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) Vua Văn Đế lại riêng ban chiếu cử Sư làm người đứng đầu chúng Niết-bàn. Sư bày giải Văn nghĩa, rất hợp tâm của Đại chúng, mà tánh độ Sư luôn là khuôn phép ngay thẳng, khéo ngụ nhiếp đại chúng. Không làm bạn với phi loại, chỉ có đức hạnh là đáng kính trọng.

Niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc khắp trong nước đều xây tháp, trước sau ở các Châu có tất cả một trăm mười một cơ sở, đều đón rước Xá-lợi đến phụng thờ, đả sát khuyến khóa, sửa xây khéo léo. Sư thật là bậc Đức vương đương thời. Vua ban sắc cử Sư đến Ung Châu để xây tháp. Sư bèn rước Xá-lợi đến chùa Tiên Du ở núi Chung Nam, tức là nơi ngày xưa tương truyền rằng: “Con

gái của Tần Mục Vương tên là Long Ngọc tập tu phép Tiên, bay lên mây.” Ban đầu, trong khoảng tháng mười, Sư từ Kinh đô đi đến chùa, giữa đường gặp phải mưa tuyết rơi khắp, tràn lấp cả người vật, chỉ riêng trên kiệu Xá-lợi thì không thấm ướt. Mọi người đều lấy làm lạ. Chùa ở Xung Cốc, nên đêm ngày gió chấn động. Từ khi Linh Cốt Xá-lợi vừa mới rước đến cho đến khi đặt Xá-lợi vào và lắp bát xong, tự nhiên đều lặng lẽ, đèn đuốc ngời sáng khắp cùng núi hang. Thêm vì mây phủ bát khắp bốn phía, mưa tuyết đều rơi, mong cho mưa tạnh thấy mặt trời, bèn có phù khế bày hạn. Sư bèn tự tay bưng lấy lò hương và phát đại nguyện, đến lúc hạ, bèn có ánh sáng mặt trời ngày đông soi chiếu. Bấy giờ, đang giữa giờ Ngọ, kẻ tăng người tục thấy đều vui mừng. Đến khi tôn trí Xá-lợi, mọi việc hoàn thành thì mây mưa lại nhóm tụ. Đại chúng đồng ngợi khen tâm Sư có sự Minh cảm đến như vậy.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, xây dựng chùa Đại Thiên Định. Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc thỉnh Sư làm Đạo tràng Chủ. Sư cố từ chối nhiều năm nhưng không được, bèn phải đến đó. Còn võ về trên dưới, có tiếng là Tăng Cang. Lại vì Kinh Niết-bàn là vốn chuyên của Sư nên thường chuyên việc giảng rộng, thiết bày ngôn lệnh, thường nương vào Văn đó. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, vì bị bệnh nên Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ bảy mươi một tuổi.

Sư có hoài bão tiết tháo, cõi lòng sáng rỡ, bèn phụ gá dòng cao, đồ chúng hèn thấp, tánh Sư chẳng nghiêng đổ đời. Chùa đã mới lập, các hàng Tể phụ đều giao xen, long trọng ở lòng, chưa hề đón rước, tình khái thiên biểu, rốt cùng khó biến tiết. Đang lúc thọ trai, giữa chúng tăng có gần bốn trăm vị, bỗng nhiên tại chỗ quan trọng trong trai đường lớn lửa cháy dữ dội, tiếng nổ như sấm động, cả chúng kinh hãi bỏ chạy tán loạn, đều bảo là nhà sập, và cùng nhau mang chân không mà chạy ra hết, chỉ còn một mình Sư ngồi yên cầm thìa mà ăn, dung khí chẳng đổi thay, như không thấy nghe gì cả. Sư còn vì thương những người nghèo khổ bệnh tật, xả bỏ y vật mà cứu giúp, lại tự thân lo việc chăm sóc trông coi. Đó là điều cùng mừng vui ở thời bấy giờ. Sư cương nhu đều tốt lành.

7- Truyện ngài Thích Linh Cán trụ chùa Đại Thiên Định ở Tây Kinh:

Thích Linh Cán, họ Lý, người ở xứ Địch Đạo thuộc Kim Thành. Ông nội của Sư tên là Tướng, được phong ở Thượng Đẳng, bèn theo sự

ban phong mà dời chỗ ở. Sư mới mười tuổi mà thích nghe Pháp yếu, bèn đến chùa xem, tỏ vẻ mừng vui trái với thế tục, cha mẹ Sư chẳng làm trái ý con mình.

Năm mười bốn tuổi, Sư đến chùa Đại Trang Nghiêm ở Nghiệp Kinh, làm đệ tử Pháp Sư Diễn. Ngày đêm vâng thờ không biếng trễ chút thời gian. Thường khi vào giảng đường, Sư tưởng như đang ở trên cõi trời không khác. Năm mười tám tuổi, Sư đáp giảng các Kinh Hoa Nghiêm, Thập Địa. Ban đầu Khai Tông bốn, bày hội tinh cầu, mọi người đều lấy làm lạ. Sư lại đáp kháng những điều bén nhọn không vấp vấp trở ngại, chúng càng mừng vui ngợi khen. Đến năm hai mươi tuổi, Sư thọ giới cụ túc, chuyên Chí Tỳ-ni, lập tánh, cung kính, tự nhiếp mà thành tiết tháo. Ba nghiệp hộ trì, đều giữ gìn Tánh. Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá diệt phật pháp, phế bỏ cả Nhân từ. Sư bèn ở nhà kính phụng giới pháp, nghi thể không mất. Đến đời Tùy, phục hưng ánh sáng mặt trời Phật. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605 đời Tùy) có ban sắc lựa chọn vào trong số Bồ-tát Tăng. Quan cấp cho y bát, an trí ở chùa Thiếu Lâm. Tuy đội ân cúng dường nông hậu mà hình nghi vẫn đồng như thế tục. Niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583) đời Tùy, Sư đến chùa Tịnh Độ ở Lạc Châu, mới được xuống tóc. Việc xuất gia nêu tượng từ đó rất thanh hành. Có Pháp sư Hải Ngọc giảng Kinh Hoa Nghiêm, chúng tăng khắp bốn phương tìm đến kết tụ để làm hưng thịnh kinh ấy. Sư bèn ở trong chúng đó, giảng nói kinh Hoa Nghiêm. Những vị đầu chúng ở Đông Hạ đều ngợi khen. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, nhân tu bắt đầu ở Đạo nghiệp và sự học rộng ngày trước, nên Sư được vua ban sắc cử đến trụ chùa Hưng Thiện, làm sa-môn dịch kinh chứng nghĩa.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy, Sư bị chết giấc, chỉ còn trái tim còn nóng, nên mọi người chưa dám tẩm liệm. Sau Sư tỉnh lại, kể rằng: “Đầu tiên thấy hai người trên tay cầm Văn thư đến đứng trước cửa phòng bảo rằng: “Quan cần gặp Sư!” Trong chốc lát đã cùng nhau đồng đi, tướng trạng tựa như nương cưỡi giữa hư không, chân không dẫm đất, đến một khu vườn rộng lớn, cây rừng toàn là báu báu trang nghiêm như họa vẽ, hai người đưa Sư đến rồi từ giả mà lui. Riêng một mình, Sư bước vào vườn rảo khắp đông tây, chỉ thấy đất rừng, núi ao đều là châu báu, chói lợi cả mắt, không thể nhìn kỹ. Dưới cây cỏ tòa hoa, hoặc có người ngồi, hoặc không ai ngồi. Bỗng nghe có tiếng người gọi: “Linh Cán! Ông hãy lại đây?” Sư bèn lần theo tiếng gọi mà đến, thì ra đó là Pháp Sư Tuệ Viễn. Pháp Sư nói: “Đây là cung trời Đâu-suất-

đà, ta cùng Pháp sư Tăng Hưu đồng sinh ở đây. Tòa đầu kế tiếp Ta ở phía Nam, đó là pháp sư Tăng Hưu!” Hình tướng ngài Tuệ Viễn và ngài Tăng Hưu đều chẳng phải bốn thân, trên đầu đội mũ trời, mặc áo đỏ tím, sáng rực hùng vĩ khác hẳn ở thế gian. Chỉ có tiếng nói là y như cũ nên có thể nhận biết được. Ngài Tuệ Viễn lại bảo với Sư rằng: “Ông và đệ tử của ta sau này đều sinh lên đây!” Nhân đó Sư giác ngộ, càng thêm nghiệp cũ, đoan nhiên Quán hạnh, bật giao với người vật.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy. Sư được cử đảm nhận việc chùa. Vốn chẳng phải điều mà tâm Sư ước mong. Mà lại phải làm theo! Năm đó, Sư lại vâng sắc rước Xá-lợi đến Lạc châu, Sư liền xây tháp tại chùa Hán Vương. Ban đầu mới đến, nơi chỗ tháp thường phát ra ánh sáng Thần, gió thổi đèn tắt, mà suốt đêm sáng rực, không cần đến đèn đuốc soi chiếu. Lại ngửi có mùi thơm khác lạ theo gió bay đến. Kẻ tăng người tục thấy cùng người thấy. Đến ngày mồng tám tháng tư, lúc đặt Xá-lợi, thì khắp trong chùa viện cây lá đều héo úa, chim quạ kêu buồn, đến khi khỏa lấp xong mới trở lại như ngày thường. Bấy giờ, Hán Vương Lượng đang trấn nhậm tại Tấn Dương, nhân Sư xây dựng tháp tại chùa của mình, bèn từ xa sai Trung Sứ đưa đến ban tặng mọi vật. Sư giỏi về Thế số, nhanh nhẹn khéo léo, biện rớt khó thêm, thường vì Hiến Hậu mà soạn sách, Vua Văn Đế trong tâm càng thêm cảm mến, sùi sụt thấm ướt, mới ban tặng Sư hai trăm xấp gấm lụa, dùng để tiêu biểu cho sự kính ngưỡng lớn lao.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ ba (607) đời Tùy, xây dựng chùa Đại Thiên Định. Vua Dương Đế (Dương Quảng) có ban sắc chọn Sư làm Thượng tọa ở Đạo tràng. Tăng Đồ hưng thịnh rất đông đảo, không thể tính kể ràng tường tận. Đến ngày mười chín tháng giêng niên hiệu Đại nghiệp thứ tám (612) đời Tùy, Sư thị tịch tại phòng ở chùa, thọ bảy mươi tám tuổi. Kẻ tăng người tục mang cờ lọng cùng theo nhau đến, bèn cử hành lễ trà-tỳ tại phía Bắc núi Chung Nam.

Ban đầu, Chí Sư kính phụng kinh giáo Hoa Nghiêm, thường y theo bản kinh mà thiết lập Liên Hoa Tạng thế giới Hải Quán và Di lạc Thiên cung Quán. Đến lúc bệnh đã trở nặng, trông mắt Sư nhìn lên, chẳng đối diện với người, hồi lâu rũ xuống đoái nhìn như ngày thường. Sa-môn Đồng Chân đến thăm hỏi bệnh Sư, vì thấy tướng đó. Sư bảo với Ngài Đồng Chân rằng: “Ngược lên trông thấy có hai đồng tử mặc áo xanh đến rước mời, bèn cùng theo đi, đến ngoài thành cung trời Đâu-suất, chưa được bước vào Nội cung. Nếu nhón chân lên nhìn thì thấy trong thành có cây báu, lọng đẹp, nếu đứng bình thường thì không trông thấy

gì cả!” Người chăm sóc bệnh Sư nói rằng: “Vừa rồi Sư nhìn lên là tướng ấy vậy!” Ngài Đồng Chân bảo rằng: “Nếu thế tức vãng sinh về đó, là toại Bản nguyện!” Ngài bảo: “An lạc ở cõi trời chẳng được lâu dài, cuối cùng sẽ rơi lại trong luân hồi. Thế giới Liên Hoa Tạng mới thật là chỗ ước mong!” Sau đó không lâu Sư bèn dứt hơi thở rồi bỗng chốc trở lại như cũ. Ngài Đồng Chân hỏi: “Thấy được gì ư?” Sư đáp: “Thấy nước lớn đầy khắp, hoa sen lớn như bánh xe, Tôi ngồi ở trên. Đó là sở nguyện đầy đủ!” Bỗng nhiên, Sư liền thị tịch.

Có Sa-môn Linh Biện tức là Du Tử của Sư. Thử thiếu thời ít dưỡng nuôi, chỉ dùng Nghĩa phương mà răn dạy, dẫn tại Đạo vị, lại thông hiểu Đại Điển. Nay hiện ở tại chùa Thắng Quang, Chúng tăng bàn luận về nghiệp hạnh, đề cử trông coi cương nhậm, mở mang dẫn dạy Giáo nghĩa Hoa Nghiêm, nổi tiếng ở Đế lý.

8- Truyện ngài Thích Kính Thoát trụ chùa Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô:

Thích Kính Thoát, không rõ Sư họ gì. Sư là người ở Quận Cấp. Sư xuất gia từ thời niên thiếu, tánh tình hiếu hạnh trong sạch, thẳng ngay rất nổi tiếng. Tuy gồm nghiên cứu cả giáo nghĩa Đại thừa, Tiểu thừa, nhưng Sư riêng thông hiểu về Luận Thành Thật. Giảng giải khắp cảnh chẳng thiếu lời hỏi, mở bày rộng thuật, chương số đều mới, thật đáng làm nơi quy tông kính ngưỡng cho hàng hậu học! Văn Chương Thiên Thập rất dự thwo lớp, đồng ở trong phòng viện ít thấy nói bàn dư thừa, tay chẳng rời Quyển sách, chuyên bàn việc rộng, oai nghi sửa đổi khônh hề nhìn ngược lại. thân rất cao lớn sung mãn Viên thành. Bấy giờ mọi người cùng chú ý đến cho là vị tăng tài giỏi. Có người tấu đạt đến vua, mới truy tìm thỉnh Sư đến trụ chùa Tuệ Nhật. Khắp bốn biển cùng ngang hàng, Sư lại không đua tranh, Chí tiết bền vững rất là xứng thủ. Vua muốn thử các vị Đại đức xem ai thật sự là người cương lượng, bèn cho mời vào hết trong điện Nguyên Võ, rồi sai Giám môn Lang Tướng Đoàn Văn Tháo rút dao đuổi rượt. Các Đại đức đều bảo chạy đi mau, chỉ riêng mình Sư từ từ thả bước như thường. Sư bảo với Đoàn Văn Tháo rằng: “Ông vì việc gì mà quýnh lên như vậy?” Đến lúc vào trong điện, Sư ngồi vào nói luận Phật lý. Vua nhìn Đoàn Văn Tháo mà bảo rằng: “Chúng tăng vốn chẳng biết pháp thế tục, giám môn (người gác cửa) làm sao có quyền thúc giục được?” Riêng lấy làm lạ về chí lớn của Sư, Vua bèn ban tặng quạt trúc lớn, mặt rộng ba thước, bảo Sư nắm lấy để dùng. Lại ban tặng giày gỗ thông bọc cao, bảo Sư mang ngay trong

cung mà đi ra. Vua đích thân tự đưa tiền và nói với Sư rằng: “Thật là vị tăng tài giỏi!” Từ đó về sau, Sư thường mở mang giảng giải Luận Thành Thật, không đổi thay thứ lớp.

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ mười ba (617) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Hồng Lô ở Đông Đô, thọ sáu mươi ba tuổi.

Từ lúc Sư bắt đầu đi học, thường thực hành đặt mẹ ở một đầu gánh, Kinh sách và bút lại đặt ở một đầu gánh. Nếu đến lúc thọ trai thì Sư để mẹ nghỉ lại dưới gốc cây, còn Sư vào xóm khát thực. Sư có cây bút rất lớn thô như cánh tay dài độ ba thước, một chữ phương trượng không ai chẳng suy cao. Nếu có người đến xin viết, mỗi trang giấy Sư chỉ đề một chữ. Phong lực bền chắc vượt xa, ngắm nhìn thật chẳng nhàm chán. Sư đều viết trên các vách tường để qua lại xem xét. Các tấm biển gạch ở Đông Đô đều do Sư viết cả. Hễ một lần phóng bút thì không bao giờ còn phải sửa lại.

Bấy giờ, tại chùa Tuệ Nhật có sa-môn Pháp Lăng chỉ giảng nói Địa luận, soạn thuật số ký, tiếng tăm xứng với tên gọi, được coi trọng trong đạo tràng. Mãi đến lúc Sư thị tịch, tăng chúng mới phô bày tấu trình. Vua rất buồn thương quý tiếc. Tất cả mọi việc cần thiết trong lễ tang đều do Thiên phủ ban cấp.

9- Truyện ngài Thích Thiện Trụ trụ chùa Tịnh Ảnh ở Kinh Đô:

Thích Thiện Trụ, họ Hoài, người ở xứ Doanh Châu. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, thông minh dễ ngộ, cơ đạt chuyên tâm, dự qua các giảng hội, thấu rõ Huyền Cực. Luận Đại Trí Độ, Kinh Niết-bàn Sư tiếp nối chú thích biết bao nhiêu lần. Trải qua nhiều năm đói kém, khát thực là việc khó khăn, mỗi ngày chỉ ăn một cái bánh để kéo dài mạng sống. Thân hình Sư rất gầy ốm, mọi người chẳng biết Sư bao nhiêu tuổi.

Sư đi đến một ngôi chùa, nghe giảng Kinh Niết-bàn, nhân đó luận nghĩa, chỉ mới được ba phen mà Pháp sư trên tòa cao không mở giải, được chỉ cúi đầu nín lặng. Đồ chúng hơn ngàn vì đều đứng nép bên giảng tịch, phải đỡ Pháp sư xuống, khi về đến trong phòng, Pháp sư lặng lẽ thị tịch. Khi Sư luận nghĩa xong bèn liền đi ra, không hề hay biết việc ấy. Qua hôm sau, Sư lại đến, mới thấy làm các thứ tang cụ. Nhân đó, Sư hỏi về nguyên do, Chư tăng mới bảo là: “Hôm qua, Pháp Sư bị một vị tăng ở phương Bắc hỏi vặn, mới do đó mà bị chết!” Mọi người không biết về Sư, nên chẳng bắt bớ. Sư nghe nói vậy, bèn tự xét mà thối lui và ngấm trốn. Qua mấy ngày sau, lại gặp một vị tăng người nước Trần cũng giấu mà đến chỗ giảng khác. Sư luận nghĩa, không điều gì chẳng

đến cùng, chịu khuất mà ngã chết có đến ba vị, do đó mà tiếng tăm Sư chấn động trong đời, sáng rực khắp Ngô Việt.

Đầu đời Tùy, Sư đi theo hướng Bắc, đến nương tựa Pháp Sư Viễn chùa Tịnh Ảnh ở Kinh Ấp. Thính chúng ở đó có đến ngàn vị, đều là những vị tài giỏi vang tiếng một thời, mà Sư đáp thuật dựng lập nghĩa thần thái tú phát, riêng cùng thầy luận bàn vấn nạn khéo thông lời giải. Pháp Sư Viễn soạn Niết-bàn Văn Sở, mà ý Sư chưa muốn truyền bá, tự tay cầm bút sửa đổi phân bày, chia ra thành pho quyển, soi xét nghĩa lý sâu mầu, lợi ích không thiếu sót. Pháp sư Viễn nghe vậy, bảo Sư rằng: “Ta biết ông khả năng tư duy không ai vượt hơn, vì sao đối với ta mà sửa đổi, tưởng có mưu đồ riêng có thể được ư?” Sư đáp: “Nếu đời chờ Pháp sư thị tịch mới có sửa chữa phân định, thì hư danh của Thiện Trụ con không bao giờ thực lục.” Pháp sư Viễn bèn chấp thuận. Văn sở cuối cùng đã hoàn thành, phân tông đúc nắn ở đời, có trình bày khác lạ. Sau khi Pháp Sư Viễn thị tịch, Sư được sắc ban trụ chùa Tịnh Ảnh, làm Niết-bàn chúng chủ.

Vào cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, Thục Vương Tú trấn bộ tại Lương Ích, dẫn Sư cùng đi, khắp các xứ Mân Ba trông vọng đức hạnh Sư mà ngày một quy hướng thành việc. Mãi đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) đời Tùy, Sư trở lại Quan Trung, ở xứ Thục hề có tài vật thì Sư tu tạo tôn tượng, trang sức tòa ngòai, là bậc đẹp tuyệt danh sĩ, trong đời không ai sánh bằng. Đường trải qua lăm nguy ách mà bước đi đều đến. Vừa tới kinh đô bèn lập bày cúng dường để làm khuôn phép.

Gặp thời gian Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy xây dựng tháp, ban sắc cử Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Hoa Lâm ở núi Ngưu Đầu thuộc Tử Châu. Giá kiệu trang nghiêm sắp đến, chiêu cảm có tám con heo xung thẳng đến dưới kiệu theo đi đến Quán, xua đuổi nó mới chạy nhưng vẫn trở lại như cũ. Dần tới Thành Trì, có bốn con ong mầu đen thân hình lớn mạnh, bay nhiều quanh theo kiệu mấy vòng rồi bay thẳng đi. Khi đã đến Châu Quán, ban đêm phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp trên nhà, như lửa dữ cháy bùng, chỉ chừng khoảng bữa ăn thì tắt. Lại nữa, đào nền tháp xuống sâu hơn một trượng đúng ngay chỗ hộp, có được một chiếc bình sứ cổ, không nắp đậy, nước lã trong, có mùi thơm, rất xinh đẹp, bèn tôn trí vào trong hộp. Lại nữa, tại chùa đó có ngôi tháp chín tầng, từ góc phía Tây Nam ở cấp thứ hai phát ra ánh sáng, phía trên soi chiếu tướng xoay tròn như năm hũ đá, mầu vàng đỏ như lửa hồi lâu mới tắt. Lại nữa, pho tượng Di-lặc ở tại giảng đường

cũng phát ra ánh sáng màu tím giữa hai đầu chân mày và tôn tượng hai vị Bồ-tát cũng phát ra ánh sáng màu đỏ chiếu soi cùng khắp chùa viện. Trước sau có đến bảy lượt mọi người cùng trông thấy, trừ người không đến.

Vào khoảng niên hiệu Đại nghiệp (605-617) đời Tùy, xây dựng chùa Thiên định. Vua Dương Đế (Dương Quảng) ban sắc thỉnh mời khắp các vị danh tăng thạc đức. Sư lại được trúng tuyển chọn cao, đến trụ chùa Thiên Định, thường khai mở Pháp tịch, truyền hưởng hợp nhau, vì bị bệnh phong nên môi miệng Sư méo lệch. Người đương thời cho rằng: “Bởi ngài sửa văn sớ của Viễn Công nên phải bị như vậy!” Ban đầu Pháp Sư Viễn chia Kinh Niết-bàn thành năm phần, phần cuối là phần “Xà Duy”, Sư tìm đó để chọn nghĩa và đổi thành bảy phần, không có phần “Xà-duy”, mà phần thứ bảy đề là Phần “Kết Hóa quy Tông”. Từ lúc Sư bị bệnh phong trải qua nhiều năm mà các vấn cật nạn vẫn bình thường. Làm cho các hàng học sĩ đều kính sợ. Sau, tự nhiên bệnh phong dứt hẳn, miệng Sư trở lại như bình thường. Sư bảo rằng: “Bệnh ta đã lành ắt mạng sống ta sắp dứt. Đó không có gì lấy làm lạ, Lý số tự nhiên như thế.”

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ mười ba (617) đời Tùy, Sư muốn trở về lại chùa cũ, chư tăng không chịu, Sư bèn nhét đất đầy miệng, muốn tự tìm lấy cái chết. Chúng tăng cả chùa thấy chí khí Sư quá cương quyết, phải đành lòng vâng theo. Đến tháng tám niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Tịnh Ảnh, thọ bảy mươi một tuổi.

Lúc bệnh vừa lành, Sư bảo với đệ tử rằng: “Một đời ta, tâm tưởng thường luôn Chánh tín, đối với nghĩa Lý Phật dạy không hề sinh tâm khinh thường. Chẳng lo Tịnh Độ ta không được sinh!”. Và liền bảo quét dọn phòng nhà, đốt hương trang nghiêm chờ đợi. Từ lúc bị bệnh về sau trải qua nhiều ngày chỉ nằm một nơi không dậy được, bỗng nhiên lúc đó Sư tự ngồi dậy chấp tay, bảo với thị giả rằng: “An Trí tòa Thế Tôn”, và miệng Sư tự nói: “Đức Thế Tôn đã đến! Thiện Trụ con nay xin sám hối hổ thẹn!” Như vậy, hồi lâu rồi Sư lại nói: “Đức Thế Tôn đã đi!” Sư cúi mình như thể đưa tiễn. Nhân nằm xuống, Sư lại bảo rằng: “Mới đến đó là Đức Phật A-di-đà các ông có thấy chăng? Không bao lâu nữa, ta sẽ đi!” Nói xong chừng khoảnh khắc, Sư bèn thị tịch. An táng ở ven núi phía Bắc của Vi khúc, thuộc phía Nam Thành, tuân theo Di lệnh của Sư! Sư có đệ tử là Sa-môn Tuệ oai ở chùa Đại Tổng Trì, giảng tìm tông tịch, nổi tiếng ở tại Kinh thất.

10- Truyện ngài Thích Biện Tướng trụ chùa Thắng Quang ở Kinh Đô:

Thích Biện Tướng, họ Sử, người ở xứ Doanh Châu. Tánh Sư ưa thích rỗng rang tĩnh lặng. Nhờ vân du nghe học mà nổi tiếng, sự nghiệp bao gồm kinh thuật. Khắp xứ Tề Triệu đều tỏa ngát hương thơm đạo nghiệp. Sau, Sư trở lại Lạc Hạ trải qua các pháp tịch, lại đến Thiệu Lâm nương tựa, ngài Tuệ Viễn cầu học Thập Địa, Tam tạng thánh điển Đại thừa, Tiểu thừa. Sư đọc xem khắp cùng nhưng đối với một Bộ Kinh Niết-bàn nghiệm xét tỉ mỉ rất nổi tiếng. Về sau, Sư đi về hướng Nam, đến Từ châu. Sư lại tham cứu Nhiếp Luận cho đến Tỳ-đàm, đều vạch bày hết chỗ tinh nghệ, nổi tiếng tới Đông Nương, tỏa sáng học hỏi giữa thầy trò, mọi người đều quy hướng.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, Sư theo Viễn Công đến đất Phụ, mới đầu trụ chùa Tịnh Ảnh, đối giảng rộng thông. Tâm trụ trong nhân hiếu, Sư luôn kính ngưỡng nối tiếp vết thầy. Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, gặp lúc xây tháp, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc cử Sư đón rước Xá-lợi đến chùa Đại Võ ở Việt Châu. Người dân hơn hởi vui mừng được trông thấy di thân. Chưa đến lúc đem ra mà ánh sáng tự phát ra hiện đủ cả bốn màu xanh vàng đỏ trắng, chiếu soi rõ khắp phía ngoài. Bảy chúng đều ngợi khen mừng vui, Tâm ưu việt luôn khởi động. Lại nữa, ở bên cạnh núi có một bụi cỏ chi màu tím dài hai thước ba phân, bốn cành ba lọng, màu sắc sáng đẹp khác thường.

Sau đó, Sư trở lại kinh đô, mở rộng pháp tịch, các hàng học sĩ thường đến nghe học có hơn trăm người, đồng thời được lãnh tụ ở đương thời, gần gũi vâng thừa âm cáo. Đến đầu niên hiệu Đại nghiệp (605) đời Tùy. Vua Dương Đế (Dương Quảng) thỉnh Sư vào Dương Đô ở nội đạo tràng, giảng nói mở mang như cũ. Vì Trịnh ủng bức đồng Cổ lạc bến. Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường. Sư được Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc nhọc mời trở lại kinh thất, mở mang kinh luận, khai mở tâm cho người mới học. Xưa kia, Vua Cao Tổ lúc đang tại Hoàng nghĩa, rất kính trọng các bậc minh đức, mời vào trong cung, trọn đêm luận bàn giáo pháp, cảm động đến lòng Vua, vua bèn ban tặng tích trượng xinh đẹp. Vua Cao Tổ mời Sư trụ tại chùa Thắng Quang. Chùa đó do Tần Quốc cúng dường. Nên Sư vì ở đó. Sau đó nhờ vốn nghiệp giúp đỡ, nên cửa tuệ mới mở. Sư kính mến chùa Tịnh Ảnh bèn đến giảng nói, lại xả bỏ những gì còn lại, hình tượng Viễn Công để lại thường luôn kính lễ, dùng làm khuôn phép.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, vì bị bệnh

ràng buộc thân hình, nhưng không biết làm cách nào để xả bỏ hình hài, Sư bèn ẩn lánh thị giả, tự thất cổ mà qua đời tại khuôn viên chùa, thọ ngoài bảy mươi tuổi.

Ngài là người thuần tố, hình dáng trắng đẹp, mặt mày trong sáng, nghi chỉ nhàn thái, bàn luận danh lý, tiếp chóng từ nghĩa rất có Thần thái.

II- Truyện ngài Thích Bảo Tập trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh Đô:

Thích Bảo Tập, người xứ Bối Châu, là đệ tử Tam Tạng Pháp Sư Tăng Hưu ở Ung Châu. Ngài Tăng Hưu là bậc thông đạt minh giải, thần lý vượt xa. Cuối thời nhà Tề, tiếng tăm Ngài vang rộng khắp đông độ, ngày nhà (Bắc) Chu phá diệt nhà (Bắc) Tề, Ngài Tăng Hưu ở ẩn tại Bối Châu, đến lúc Thiên Nguyên nối tiếp ngôi vị, bắt đầu mở mang Phật Pháp, Ngài Tăng Hưu mới vâng chiếu làm Bồ-tát Tăng, cùng các Sa-môn Tuân, Viễn, v.v... đồng trụ ở chùa Trắc Hồ. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (587) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) mời Sư vào kinh đô trụ chùa Đại Hưng Thiện.

Năm mười tám tuổi Sư đến quy y và chuyên việc tụng kinh. Sau, nghe giảng các kinh luận, Sư chỉ lấy luận Đại Trí Độ làm chính, ban trải ảnh hưởng khắp Quan Đông, nổi tiếng cùng các vị tài giỏi ở đương thời. Sư theo ngài Tăng Hưu vào kinh đô đảm nhận việc dạy răn khuyến khích cố gắng. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười sáu (596) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc bổ nhậm Sư làm Đại Luận Chứng Chủ, trụ chùa Thông Pháp, suốt bốn mùa giảng giải hoằng hóa, mọi người từ những phương xa đều nhóm họp.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, xây dựng tháp, Vua Văn Đế ban sắc cử Sư rước Xá-lợi đến chùa Tung Nhạc ở Tung Châu. Mới đầu, mây sương khuất phủ, suốt bảy ngày mờ tối, Sư bèn bưng lấy lò hương phát nguyện: “Mong đến lúc sắp mãn hạn tôn trí đặt Xá-lợi thì thấy được sắc thái mặt trời!” Không bao lâu thì điều mong cầu của Sư đã đến, bầu trời mở sáng giữa ban ngày vào lúc giờ ngọ. Đã xứng hợp tâm chờ mong, liền bị ẩn che.

Sau, Sư lại rước Xá-lợi đến chùa Phiếm Ái ở Hình Châu. Bỗng nhiên ngay trên hộp, thấy hiện hình tượng các Đức Phật và Bồ-tát cho đến có cả ánh sáng, khắp cùng bốn mặt không thể nói hết, suốt hai ngày ánh sáng mới tắt, nhưng các tượng vẫn hiện còn. Và đang lúc đặt tôn trí xá-lợi, lại thấy một tôn tượng Phật hình thể đang nằm có ánh sáng mờ

đỏ tuông phát ra. Sư vui mừng với điềm linh cảm ấy bèn họa vẽ mà kính thờ. Đến khi Vua Văn Đế băng (605) Vua Dương Đế (Dương Quảng) xây dựng chùa Đại Thiên Định, vì tiếng tăm Sư vang xa, vua bèn thỉnh Sư đến cúng dường. Đến cuối niên hiệu Võ Đức (627) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa đang ở, thọ tám mươi tuổi.

Sư có các đệ tử như Sa-môn Đàm Cung, Minh Hồng là các vị giỏi về luận Đại Trí Độ. Ngài Đàm Cung từ thưở thiếu thời đã có cơ biện, kiến giải nổi tiếng. Sư thường giảng giải Kinh Luận. Khắp Kinh Đô đều ngợi khen tốt lành. Ngài hộ trì chánh pháp rất đúng theo lời Phật dạy. Đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc cử Sư làm Tế Pháp Thượng tọa. Sư trông coi việc tăng truyền tỏa hương thơm đến cuối đầu mối. Sau, Sư được mời đến trụ chùa Hoàng Phước. Lại ban bảo cho Sư trông coi đảm nhiệm chùa Phổ Quang. Đức hạnh của Sư ở thời bấy giờ rất cần, nên Sư luân chuyển không ở nơi nào cố định. Sư thị tịch tại nơi đang đảm nhiệm! Sa-môn Minh Hồng cũng là người vinh vọng ở đương thời. Tiếp nối sự nghiệp của tông sư. Sư được mời đến trụ chùa Phổ Quang. Bấy giờ lại hoàng pháp, Sư chuyên xây dựng phòng tắm để cúng dường, hàng tháng lại chà rửa phòng tắm cho chúng tăng, tiếp gót An Công, quy tâm về Đức Từ Thị.

12- Truyện ngài Thích Tuệ Thiên trụ chùa Đại Tổng Trì ở Kinh Đô:

Thích Tuệ Thiên, ngài người xứ Doanh Châu, hiểu học chuyên thừa hỏi, ưa thích Địa Luận, lấy làm chỗ cùng cực để tâm thưởng ngoạn. Sư mang tích trượng rong ruổi khắp cùng, mong cầu kính mến Dĩn tượng. Tuy Sư nghiên cứu tinh thông một bộ mà rộng suốt cả trăm nhà, mỗi lúc đến nạn lý thì các bậc thầy đều tụ đến.

Vào thời Bắc Tề, Sư đã vang vọng Danh thật. Sư lại theo ngài Tuệ Viễn, lưu lại nghiệp trước, nghĩa chẳng trở lại duyên, trải qua chỉ trong một năm mà đều thông các Kinh Niết-bàn, Địa Trì. Và đều được giảng trao. Nhà (Bắc) Tề mất, phật pháp bị hủy diệt, Sư lánh đến nước Trần. Đến lúc nhà Tùy đổi vận, Sư trở lại quê cũ, đi đến lạc hạ, lại nương tựa ngài Tuệ Viễn, nên sự nghiệp mới nghe đầy đặc cõi lòng. Đến lúc ngài Tuệ Viễn vào đất Quan, Sư nương theo và cùng trụ chùa Đại Hưng Thiện, chuyên việc mở mang giảng nói.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc lập ra năm chúng, thỉnh Sư làm Thập Địa chúng

chủ, trụ chùa Bảo Quang liên tục giảng nói, tiếng tăm vang vọng dường như thời nhà Trần. Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc cử Sư rước Xá-lợi đến chùa Hoàng Bác ở quê nhà. Đã đến nơi, đào xuống nền sâu sáu thước, chiêu cảm phát ra ánh sáng màu tím khắp cùng đất tháp, tướng trạng như lửa dữ, giống như chỗ treo tượng ngày nay. Lại ngay trên đất biến thành nét chữ đường vân màu đen rõ ràng, đề là “Chuyển luân Vương Phật Tháp.” Thấy được linh tướng ấy, mọi người đều mừng vui, vì ít khi gặp được. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Sư lại đến chùa An Hoà ở Hải Châu xây tháp. Đào sâu đến năm thước, có được đất trắng, màu trắng hơn cả phấn, khắp đầy trong hầm. Lại đào sâu đến tám thước, ở trong khối đất trắng có được một viên ngọc trắng, hình vuông lớn hơn một thước, sáng nhuận khó có gì để sánh ví. Đến buổi sáng sớm sắp đặt tôn trí Xá-lợi, lại phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp thành quách; sắc màu như lửa hồng. Xá-lợi từ trong bình lưu xuất ra, chia làm sáu hạt, hiển hiện việc ít có. Đại chúng đều khen ngợi.

Sau, Sư thường Khai giảng Thập Địa, khắp kinh ấp có nhiều vị giảng nhưng không vị nào sánh được. Đến lúc xây dựng chùa Đại Thiên Định, Vua Dương Đế (Dương Quảng) thỉnh Sư đến trụ ở đó. Đến cuối niên hiệu Võ Đức (627) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chỗ đang ở, thọ bảy mươi chín tuổi.

Sau khi Sư thị tịch, Luận Thập Địa không còn tiếng tăm ở Quan nường. Nên Đạo do người mở mang, điều ấy thật xác nghiệm! Có sự truyền đạt của tâm, thật hãy cố gắng.

13- Truyện ngài Thích Tuệ Giác trụ chùa Võ Đức ở Tinh Châu.

Thích Tuệ Giác, họ Phạm, người ở xứ Tề. Đạt lượng thông soi, ít nường gá những người nằng bằng, mà nghi hình Sư cao vời, mắt mà y sắc bén ngời sáng, y phục mới sạch, thân cao bảy thước, dung chỉ ôn hòa rộng rãi, bước đi khoan thai. Sư giữ phép đi bộ, không đâu chẳng dừng bước, đón rước hé mắt mà tiễn đưa. Oai nghi của Sư cảm kích đến người như thế. Sư thông suốt các Kinh Thập Địa, Hoa Nghiêm, giảng tịch nối nhau lưu vết khắp Tề Đại. Tiếng tăm vang xa, học môn thành phong thái.

Đến lúc nhà Tùy mở vận, mở mang hưng thịnh Tượng Pháp. Vì trước kia, Vua Văn Đế (Dương Khiêm- nhà Tùy) khi ở tại Bắc Chu đã Tổng nhậm nguyên nhung, đích thân dẫm qua sự nhọn bén. Binh cơ bị mất sự bén nhạy, nên trốn nạn ở Nam trạch thuộc Tinh Thành. Sau, đến

ngày lên ngôi, truy tìm chỉ còn lại đất cũ. Trong niên hiệu Khai Hoàng thứ nhất (581) đời Tùy, tại chỗ đất u nhân, Vua Văn Đế bèn xây dựng chùa Võ Đức. Đất ở đó chỉ toàn bùn ướt, nên khắp nơi đều phải dùng đá lát phẳng. Nhưng bắt đầu tăng thêm nền móng chung cho cả chùa viện. Khắp cùng cả ngàn kế, mái che đến chín lớp. Linh tháp mây bày, cảnh Đài sao giăng. Vì Sư là người có sự nhận biết vượt cao nên được khen ngợi, được vua thỉnh đến trụ ở đó. Pháp môn mở mang giáo hóa của Sư phần nhiều lấy Kinh Hoa nghiêm làm chính. Những người vâng thọ được tổ ngộ đến thưa hỏi điều lợi ích, rộng lược đều vâng theo bốn tông.

Sau, Sư được thỉnh đến Cao Dương, sung vào làm Giảng Tượng, thính chúng thường có hơn ngàn vị, khắp giảng Đường đều đầy chật, mà người tìm đến vẫn không ngớt, bèn phải nghỉ dừng pháp hội, đợi có thêm giảng đường mới có thể mở mang dắt dẫn. Liền có thí chủ tức thời xây dựng giảng đường rộng lớn dung chứa cả ngàn người, tạo dựng những gì cần thiết, chưa tới một tháng đã được thành tựu. Sư liền lên pháp tòa, đạo chúng dẫn đến đông đây. Oai dung Sư rộng thoáng thanh nhã, tướng trạng như thần. Nói bàn hòa nhã, dắt dẫn huyền ẩn, vạch bày xung hợp, người nghe kính vâng, thật là mở mang nghĩa rộng. Sư soạn thuật văn sơ các Kinh Hoa Nghiêm, Thập Địa, Duy-ma, v.v... đều tiếp nối Nghĩa Chương, tất cả mười ba quyển. Văn chất lỏng lộng, xuyên suốt giáo hóa. Các bậc minh đức khắp xứ Tề Ngụy đều tụng đọc và lưu hành.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ 3 (620) thời Tiền Đường, gặp lúc bọn Hiểm Doãn xâm chiếm phương Nam. Sư bị bệnh sơ sài mà bảo với tất cả đệ tử rằng: “Ta sắp đi đây!” Thị giả hầu thưa: “Nay giặc đã đến thành, đường đi đều trở ngại bật đứt, biết đi về xứ nào?” Sư đáp: “Sinh tử đường lớn, đi ở không hẹn ngày, ngày mai ta sẽ từ biệt!” Và Sư bảo ban xuất của cải tự thân thiết trai cúng dường tăng chúng. Sư quyết từ biệt với đại chúng, suốt đêm chánh niệm tinh sáng rõ ràng, đến lúc minh tướng vừa xuất hiện thì Sư an nhiên thị tịch, thọ chín mươi tuổi.

Ban đầu, tánh tuệ giải của Sư vốn chứa nhóm trong lòng, phước nghiệp nhiếp chúng, Độ sinh tùy hỷ có nhiều. Hễ có tu tạo, thì tự thân Sư giúp đỡ sửa sang, nên nền tảng của chùa đều do khuyến khích cố gắng. Lại nghe vãng sinh Tịnh Độ thì bố thí vườn là công đức nên Sư chẳng ngại xa ngàn dặm từ Thanh Châu lấy giống táo về trồng trụ chùa Khai Nghĩa ở Tinh Thành, riêng đi ngàn thù gốc cúng khắp năm chúng. Ngày một phô bày tươi tốt, nghiệp ấy rộng lớn.

Bấy giờ, trong chùa có hai vị Sa-môn đều tên là Tuệ Đạt và cũng đều là đệ tử ngài Tuệ Viễn, là người khéo giải ở đương thời, vào đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường thì phô bày sự tốt lành ở Kinh Ấp. Lại có sa-môn Minh Cán, cũng là bậc tài giỏi kế tiếp đó, cùng nhau truyền giảng, lưu tỏa tiếng thơm chẳng dứt.

14- Truyện ngài Thích Trí Cự trụ chùa Kiến An ở Thường Châu:

Thích Trí Cự, người ở Thọ Xương thuộc Tân An. Họ Lý. Gia thế vốn lưu xuất từ Vị Trụ ở Cao Dương, nhận làm Lý Quán, bèn lấy làm họ. Do qua nhiều thời đại biến đổi âm, bèn lấy chữ Lý có bộ vương làm chữ lý có bộ mộc, nhân đó mà thành họ. Sư vốn trụ tại Diển Ngộ ở Quận Triệu thuộc Ký Châu, theo hướng Đông dời đến ở Giang Tả. Cha của Sư tên Vĩ, làm quan Viên Ngoại Tán Kỵ Thị Lang ở thời nhà Lương.

Năm mười chín tuổi, Sư bèn tự xuất gia, nghe Pháp sư Thản giải thích luận, chưa ngậm khôi quản thường nghe tinh nghĩa. Pháp sư Thản là Môn Sư của Tề Vương Giảng. Kế đến, Sư nghe Nhã Công giảng Luận Bát Nhã, lại nghe Dự Công giảng về Tam Luận. Ba vị Pháp tượng ấy danh giá đều rất quý trọng. Sư muốn thanh khiết tiết tháo, nắm giữ tự tâm, riêng thấu cùng Pháp tánh, các cao tọa chủ thường không kiêu thuật, người xưa có nói “Học không ở nơi một vị thầy nào cố định”, lời ấy rất có ý chỉ. Sư rộng tìm xa xét, tận cùng chỗ u cầu.

Năm hai mươi bảy tuổi, Sư bèn đến tuyên giảng, biện tài Vô ngại, mọi người đều biết. Nói Kinh đọi hỏi, chóng động thường luân. Đến lúc sắp thị tịch Pháp Sư Thản đem đồng một lúc giao phó cho Sư cả năm Bộ kinh lớn. Đã được Di chúc, Sư bèn diễn giảng, tiếng tăm danh giá càng vang xa, kẻ tăng người tục đều kính ngưỡng. Nhưng miệng Sư không nói đến người, mắt không tiếp nhận cảnh sắc, sữa muôn sinh chẳng dùng, tanh nồng không phạm đến. Sư có đệ tử nhập thất là sa-môn Minh Diển. Từ lúc thọ học về sau chuyên kính thờ Sư làm Hoà-thượng. Trước lúc thị tịch, Sư bảo rằng: “Các Bộ Hoa Nghiêm, Đại Phẩm, Niết-bàn, Thích Luận, là các văn ngôn ta thường giảng nói, đem cả đều giao phó cho ông bốn Bộ Nghĩa sơ!” Sư bèn nắm lấy tay ba lần, bỗng nhiên Sư thị tịch, tại chùa Kiến An ở Thường Châu, lúc đó nhằm ngày mồng mười niên hiệu Võ Đức thứ hai (619) thời Tiền Đường. An táng tại chỗ đất cũ của chùa thuộc phía Nam Tỳ Đàm.

Ngài Minh Diển họ Khâu, danh tộc ở Tấn Lăng. Sư có dung nghi cử chỉ dễ nhìn, tinh thái cao vọng khác thường, kính sùng công lao lưu tỏa đức hạnh của thầy (Trí Cự) nên dựng lập bia lớn ở trước cửa chùa. Trần

Tây Dương Vương ký thất Tiều Quốc Tào Hiến soạn văn bia.

15- Truyện ngài Thích Đạo Khánh trụ chùa Hoàng Nghiệp ở Thường Châu:

Thích Đạo Khánh, họ Đái. Gia đình Sư trước kia ở Quảng Lăng, sau men theo sông mà dời đến ở Vô Tích. Năm mười một tuổi, Sư xuất gia, kính thờ A-xà-lê tạng chùa Kiến Thiện ở Quận Ngô làm thầy. Sư siêng năng vâng thờ rất mực kính lễ, đồng bạn đều suy tôn. Năm mười bảy tuổi, Sư đến Thành đò, nghe giảng Luận Thành Thật ở chùa Bành Thành. Đại nghĩa của các luận khác Sư, đều không để sót, do đó; các bậc thầy ở đương thời đều chăm chú vào Sư mà bảo rằng: “Treo Nhật nguyệt ở trong lòng, rót sông rạch vào trong miệng, thật là quy kết về nơi Đạo Khánh!”.

Đã được lời chúc tụng tốt lành, Sư càng gấp bội chí kiêm thường, tiếng tăm vang vọng đã qua, tòa cao ở tại ngày nay. Đến lúc thời vận nhà Trần bị mất, bạn Đạo điều tàn, Sư đi về hướng Đông, về lại Vô Tích, trụ chùa Phụng Quang. Học chúng nhóm họp, Sư lại giảng dạy như trước. Sau Sư lại trụ chùa Hoàng Nghiệp ở Tỳ-đàm chuyên việc mở mang giảng dạy, không ngại thời tiết nóng lạnh. Sư có oai dung cử chỉ đẹp xinh, khéo hay nói cười, xem thường danh lợi, nồng hậu giao du, bút mực rảo thông, thi cầm khéo léo. Phong thần nhân buông. Vận vũ rồng lảng, có đủ mọi phương ứng vật, ứng cơ không trái ngược.

Vào tháng tám niên hiệu Võ Đức thứ chín (626) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại phòng ở chùa, thọ sáu mươi một tuổi. Qua ngày hai mươi ba tháng chín, an táng tại Sơn Tân, thuộc Phù Đường. Ngày đào huyệt, xuống mới đào xuống, chiêm cảm có một Đàn hạc trắng từ giữa trời bay đến, kéo dài bay liệng, cùng kêu tiếng buồn thương. Nếu chẳng phải đạo hạnh tỏa sáng khắp xa, thì sao có được điềm lành khác lạ như thế? Có Sa-môn Pháp Tuyên cùng ở chung chùa, nói rằng: “Tôi cùng Sư (Đạo Khánh) quen lời quen Đạo, từ thuở nhỏ ở kinh đô đã vui vẻ cùng đắp chung mền. Đến tuổi xế chiều ở quê người lại vui cùng mặc chung áo bào, trăng chiếu gió giương, tiếp tay cùng trò chuyện. Chúng tôi nơi kinh đường Luận thất, chạm chân chẳng phải người khác. Đâu ý cao sâu mà hết tình bạn tốt của tôi, ngàn hàng nhọc rửa, trăm thân thà chuộc. Chưa thể nén bút liền ghi một bài minh ngắn, viết rằng:

“Mười lực ngâm cảnh

Bốn y khác đời

Dẫm đút liền sáng

*Người ấy tiếp nối Cung tường giới nhĩn
Đền đước thiên tuệ Đều ruỗi sống rừng
Chia sân sâu đặt
Nhà Luận khua ngọc Phòng nghĩa phân
lan Ngồi như sư tử
Chúng nhiều quanh đàn Đạo sạch ngoài
trần
Lý dứt mối luận Oai nghì khoan thai
Ba nghiệp an tường Cõi uest cơ cùng
Người tốt hiện diệt. Mần lưu hình
ảnh Xe về vết xưa
Trăng soi tháp vắng Suối dơ mộ buồn
Sương trúc dần tụ Gió thông rít dài
Khí vận có tan
Đức âm chẳng dứt!”*

TỤC CAO TẶNG TRUYỆN
(Quyển 12 hết)